TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **175**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/7/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị B

Ông Nguyễn Văn Thục

- Thư ký phiên tòa: Ông Tôn Trọng Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 31/7/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Bùi Thế T, sinh năm 1986 (Xin vắng mặt)

Nơi thường trú: Thôn Mai Thượng, xã Hương Mai, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú cuối cùng của chị B tại Việt Nam: Thôn Tân Sơn, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chị B đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Bùi Thế T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên ngày 21/12/2016.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận chị B về nhà anh làm dâu và sinh sống tại Thôn Mai Thượng, xã Hương Mai, huyện Việt Yên. Năm 2019, chị Nguyễn Thị B chuyển hộ khẩu về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Tân Sơn, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu sau khi vợ chồng đi lao động ở nước ngoài thì vợ chồng vẫn liên lạc quan tâm, hỏi han nhau. Nhưng việc liên lạc chỉ được một thời gian ngắn, sau đó anh chị ngày càng ít liên lạc dần. Nguyên nhân là do vợ chồng xa cách, phát sinh những bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Đến nay vợ vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau nữa và chị B cũng không hề gọi điện cho anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị Linh H, sinh ngày 06/9/2018. Hiện nay cháu H đang ở với anh. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, không đề nghị chị B cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề lái xe tự do, có thu nhập ổn định khoảng 10 triệu đồng / 1 tháng nên có đủ điều kiện để chăm sóc cho con cái.

- Về tài sản chung và công nợ chung: không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị B hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị B đến nay không nhận được thông tin của chị B.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ của chị B là bà Hồ Thị Lâm, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Tân Sơn, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, bà có ý kiến trình bày như sau:

Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị B, con gái bà có hộ khẩu thường trú tại Thôn Tân Sơn, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và hiện đang lao động tại Đài Loan. Về địa chỉ cụ thể của chị B ở Đài Loan bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được, tuy nhiên chị B vẫn thường liên lạc với gia đình qua mạng xã hội. Chị B đã được biết việc anh T xin ly hôn tại Tòa án và chị B có ý kiến đồng ý ly hôn và đồng ý để anh T nuôi dưỡng cháu H.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị B vắng mặt không có lý do và không có quan điểm gì trình bày. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thế T. Xử:

Cho anh Bùi Thế T được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Linh H cho anh Bùi Thế T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về việc cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: anh Bùi Thế T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Bùi Thế T là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Bắc Giang có đơn xin ly hôn, giải quyết con chung đối với chị Nguyễn Thị B. Bị đơn chị Nguyễn Thị B ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 13067/QLXNC-P5 ngày 30/5/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Nguyễn Thị B đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 15/5/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn chị Nguyễn Thị B được xác định là đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã làm việc với bà Hồ Thị Lâm là mẹ đẻ của chị B xác định hiện chị B đang ở nước ngoài nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị B ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị B theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thế T và chị Nguyễn Thị B đăng ký kết hôn ngày 21/12/2016tại UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên, việc kết hôn

trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với chị B. Xem xét đơn khởi kiện của anh T, HĐXX thấy: năm 2019 chị B chuyển hộ khẩu về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Tân Sơn, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên và làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu sau khi vợ chồng đi lao động ở nước ngoài thì vợ chồng vẫn liên lạc quan tâm, hỏi han nhau. Nhưng việc liên lạc chỉ được một thời gian ngắn, sau đó anh chị ngày càng ít liên lạc dần. Nguyên nhân là do vợ chồng xa cách, phát sinh những bất đồng với nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Đến nay vợ vợ chồng đã không còn liên lạc với nhau nữa và chị B cũng không hề gọi điện cho anh. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh Bùi Thế T được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

[4]. Về con chung: Anh T và chị B có 01 con chung là cháu Bùi Thị Linh H, sinh ngày 06/9/2018, cháu H hiện đang ở với anh T. Chị B hiện đang sinh sống và lao động tại nước ngoài không có địa chỉ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của cháu H cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Thị Linh H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Anh T xác định không có, không đề nghị nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Bùi Thế T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Thế T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thế T được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị Linh H, sinh ngày 06/9/2018cho anh Bùi Thế T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Bùi Thế T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000089 ngày 10/5/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị B hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Bùi Thế T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Hương Mai, huyện Việt Yên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hải Hường

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Nguyễn Văn Thục	**Đỗ Văn Long**	**Hoàng Thị Hải Hường**